ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1774/ TTr-UBND	*Gia Lai, ngày 10 tháng 11 năm 2021*

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị quyết đặt, đổi tên đường và công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI
ĐẾN Số: 5783
Ngày: 23/11/2021
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
(Khoá XII, Kỳ họp thứ Tư)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 106/TTr-SVHTTDL, ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đặt, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông.

Được sự thống nhất của 100% thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016-2021 tại cuộc họp thành viên Uỷ ban nhân dân tỉnh ngày 09 tháng 11 năm 2021;

Nhằm từng bước chỉnh trang đô thị, hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với nhu cầu phát triển đô thị và quy hoạch chung của thị

trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, đẩy mạnh công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện,

Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Tư xem xét đặt tên mới 35 tuyến đường, điều chỉnh chiều dài 06 tuyến đường và đặt tên mới 02 công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai *(có bảng tóm tắt quy mô, hiện trạng các tuyến đường, công trình công cộng dự kiến đặt tên, điều chỉnh chiều dài kèm theo).*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua để Uỷ ban nhân dân huyện Chư Prông tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở VHTTDL;
- UBND huyện Chư Prông;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

BẢNG TÓM TẮT QUY MÔ, HIỆN TRẠNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG DỰ KIẾN ĐẶT, ĐỔI TÊN THUỘC THỊ TRẤN CHƯ PRÔNG, HUYỆN CHƯ PRÔNG

(Kèm theo Tờ trình số:1774/TTr-UBND ngày 10/ 11 /2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

1. Các tuyến đường đặt tên mới

Stt	Đường đề xuất đặt tên	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng mặt đường hiện trạng (m)	Chiều rộng mặt đường quy hoạch (m)	Lộ giới quy hoạch (m)	Tên đường
1	Đường N13 (Quy hoạch D3)	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường D1 (QH. Đ2)	1087	3.5	7	16	Lê Chân
2	Đường N12	Đường D3 (QH. Đ7)	Đường D1 (QH. Đ2)	481	3.5	7	13.5	Mạc Đĩnh Chi
3	Đường N11 (QH. Đ3)	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường D1 (QH. Đ2)	1337	3.5	7	13.5	Phan Huy Chú
4	Đường D2 (QH. Đ6)	Đường Hùng Vương	Đường N17 (QH. Đ3)	708	3.5	7	16	Đặng Trần Côn
5	Đường D3 (QH. Đ7)	Đường Hùng Vương	Đường Bà Triệu	891	3.5	7	16	Lương Định Của
6	Đường D4 (QH. Đ8)	Đường Hùng Vương	Đường N11 (QH. Đ3)	163	3.5	7	16	Đoàn Thị Điểm
7	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường Hùng Vương	Đường Bà Triệu	471	3.5	7	16	Hoàng Diệu
8	Đường D7	Đường Vành đai phía nam	Đường quy hoạch	510	3.5	7	15	Trần Khánh Dư
9	Đường D8	Đường Vành đai phía nam	Đường Bà Triệu (quy hoạch nối dài)	650	3.5	7	15	Tăng Bạt Hổ
10	Đường D1 (Quy hoạch D2)	Đường Hùng Vương	Ranh giới thị trấn	1480	3.5	16	30	Nguyễn Huệ
11	Đường N14	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Vành đai phía nam	1063	3.5	7	16	Phùng Hưng

12	Đường N17 (QH.D1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường D22 (QH.D11)	1086	5.5	7	20	Hồ Xuân Hương
13	Đường D9	Đường Hùng Vương	Cuối tuyến	792	3.5	7	15	Huỳnh Thúc Kháng
14	Đường D17	Đường Hùng Vương	Đường N2	315	3.5	7	15	Lý Thường Kiệt
15	Đường quy hoạch	Đường Hùng Vương	Đường Sư Vạn Hạnh	1180	3.5	7	15	Phùng Khắc Khoan
16	Đường quy hoạch số 24	Đường quy hoạch số 20	Đường D12	797	3.5	7	17	Ngô Sỹ Liên
17	Đường quy hoạch	Đường N5	Đường quy hoạch	465	3.5	7	15	Đinh Bộ Lĩnh
18	Đường N5	Đường quy hoạch	Đường quy hoạch	560	3-3.5	7	17	Mai Thúc Loan
19	Đường quy hoạch	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Trỗi	206	3	7	12	Hồ Tùng Mậu
20	Đường D13	Đường Nguyễn Trãi	Đường D12	791	3.5	7	15	Hàm Nghi
21	Đường quy hoạch D10	Đường Trần Phú	Đường D12	357	3.5	7	17	Ngô Thì Nhậm
22	Đường D22 (Quy hoạch D11)	Đường Hùng Vương	Đường N5	174	3.5	12	22.5	Đinh Núp
23	Đường N19 (Quy hoạch số 21)	Đường D18 (QH9)	Đường Trần Phú	921	3.5	7	17	Cao Bá Quát
24	Đường quy hoạch số 29	Đường quy hoạch số 19	Đường Trần Phú	352	3.5	7	17	Ngô Quyền
25	Đường quy hoạch số 20	Đường quy hoạch số 21	Đường Vành đai phía nam (QH15)	306	3.5	7	17	Ngô Văn Sở
26	Đường D15 (QH5)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Vành đai phía nam (QH15)	549	3.5	7	17	Hà Huy Tập
27	Đường quy hoạch số 2	Đường Lê Hồng Phong	Đường D18 (QH9)	562	3.5	7	17	Hoàng Hoa Thám
28	Đường D18 (QH9)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Vành đai phía nam (QH15)	299	3.5	7	17	Hoàng Văn Thụ
29	Đường quy hoạch số 14	Đường N17 (QHD1)	Đường Vành đai phía nam (QH15)	323	3.5	7	17	Tôn Thất Thuyết
30	Đường Vành đai phía nam (QH15)	Đường Nguyễn Trãi Nối dài	Đường D12	1950	3.5	16	30	Đặng Thùy Trâm

31	Đường quy hoạch D3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường quy hoạch D2	132	5.5	7	12	Phan Châu Trinh
32	Đường quy hoạch	Đường quy hoạch D3	Đường quy hoạch D2	127	3.5	7	13.5	Đặng Huy Trứ
33	Đường N18 (quy hoạch D2)	Đường quy hoạch 14	Đường quy hoạch D3	285	3.5	7	15	Đào Duy Từ
34	Đường N15	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường D5	634	3.5	7	16	Nguyễn Viết Xuân
35	Đường quy hoạch D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường N17 (QH.D1)	181	3.5	7	13.5	Bùi Thị Xuân

2. Các tuyến đường điều chỉnh chiều dài (giữ nguyên tên cũ):

Stt	Đường đề xuất điều chỉnh	Điểm đầu điều chỉnh	Điểm cuối điều chỉnh	Chiều rộng mặt đường hiện trạng (m)	Chiều rộng mặt đường quy hoạch (m)	Lộ giới quy hoạch (m)	Chiều dài hiện trạng (m)	Chiều dài điều chỉnh (m)
01	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Hùng Vương	Đường D19 (QH.10)	3.5	7	17	800	1963
02	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Vành đai phía nam (QH15)	7.5-15	16	30	460	1273
03	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường quy hoạch số 14	10.5	16	30	800	2170
04	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Chí Thanh	7.5	12	22.5	300	824
05	Đường Hùng Vương	Đường D23 (QH D13)	Đường D1 (QH D2)	10-16	16	30	2300	4862
06	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Vành đai phía nam (QH15)	3.5-7.5	12	22.5	240	1060

3. Công trình công cộng

Stt	Loại công trình công cộng	Kích thước	Tên công trình công cộng dự kiến
01	Quảng trường	10.000 m^2	Kpă Klơng
02	Công viên văn hóa	30.000 m^2	Plei Me

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc đặt, đổi tên đường và công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Trên cơ sở Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Uỷ ban nhân nhân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 1774/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Nghị quyết đặt, đổi tên đường và công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đặt, đổi tên đường, công trình công cộng thuộc thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, gồm: Đặt tên mới 35 tuyến đường, điều chỉnh

chiều dài 06 tuyến đường, đặt tên mới 02 công trình công cộng *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Giao Uỷ ban nhân nhân tỉnh tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày … tháng … năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH Gia Lai;
- HĐND, UBND huyện Chư Prông;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

DANH SÁCH TUYẾN ĐƯỜNG, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG THUỘC THỊ TRẤN CHƯ PRÔNG, HUYỆN CHƯ PRÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Các tuyến đường đặt tên mới

Stt	Đường đề xuất đặt tên	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng lòng đường (m)	Tên đường
1	Đường N13 (Quy hoạch D3)	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường D1 (QH. Đ2)	1087	7	Lê Chân
2	Đường N12	Đường D3 (QH. Đ7)	Đường D1 (QH. Đ2)	481	7	Mạc Đĩnh Chi
3	Đường N11 (QH. Đ3)	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường D1 (QH. Đ2)	1337	7	Phan Huy Chú
4	Đường D2 (QH. Đ6)	Đường Hùng Vương	Đường N17 (QH. Đ3)	708	7	Đặng Trần Côn
5	Đường D3 (QH. Đ7)	Đường Hùng Vương	Đường Bà Triệu	891	7	Lương Định Của
6	Đường D4 (QH. Đ8)	Đường Hùng Vương	Đường N11 (QH. Đ3)	163	7	Đoàn Thị Điểm
7	Đường D6 (QH. Đ9)	Đường Hùng Vương	Đường Bà Triệu	471	7	Hoàng Diệu
8	Đường D7	Đường Vành đai phía nam	Đường quy hoạch	510	7	Trần Khánh Dư
9	Đường D8	Đường Vành đai phía nam	Đường Bà Triệu (quy hoạch nối dài)	650	7	Tăng Bạt Hổ
10	Đường D1 (Quy hoạch D2)	Đường Hùng Vương	Ranh giới thị trấn	1480	16	Nguyễn Huệ
11	Đường N14	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Vành đai phía nam	1063	7	Phùng Hưng
12	Đường N17 (QH.Đ1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường D22 (QH.D11)	1086	7	Hồ Xuân Hương
13	Đường D9	Đường Hùng Vương	Cuối tuyến	792	7	Huỳnh Thúc Kháng

14	Đường D17	Đường Hùng Vương	Đường N2	315	7	Lý Thường Kiệt
15	Đường quy hoạch	Đường Hùng Vương	Đường Sư Vạn Hạnh	1180	7	Phùng Khắc Khoan
16	Đường quy hoạch số 24	Đường quy hoạch số 20	Đường D12	797	7	Ngô Sỹ Liên
17	Đường quy hoạch	Đường N5	Đường quy hoạch	465	7	Đinh Bộ Lĩnh
18	Đường N5	Đường quy hoạch	Đường quy hoạch	560	7	Mai Thúc Loan
19	Đường quy hoạch	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Trỗi	206	7	Hồ Tùng Mậu
20	Đường D13	Đường Nguyễn Trãi	Đường D12	791	7	Hàm Nghi
21	Đường quy hoạch D10	Đường Trần Phú	Đường D12	357	7	Ngô Thì Nhậm
22	Đường D22 (Quy hoạch D11)	Đường Hùng Vương	Đường N5	174	12	Đinh Núp
23	Đường N19 (Quy hoạch số 21)	Đường D18 (QH9)	Đường Trần Phú	921	7	Cao Bá Quát
24	Đường quy hoạch số 29	Đường quy hoạch số 19	Đường Trần Phú	352	7	Ngô Quyền
25	Đường quy hoạch số 20	Đường quy hoạch số 21	Đường Vành đai phía nam (QH15)	306	7	Ngô Văn Sở
26	Đường D15 (QH5)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Vành đai phía nam (QH15)	549	7	Hà Huy Tập
27	Đường quy hoạch số 2	Đường Lê Hồng Phong	Đường D18 (QH9)	562	7	Hoàng Hoa Thám
28	Đường D18 (QH9)	Đường Nguyễn Trãi	Đường Vành đai phía nam (QH15)	299	7	Hoàng Văn Thụ
29	Đường quy hoạch số 14	Đường N17 (QHD1)	Đường Vành đai phía nam (QH15)	323	7	Tôn Thất Thuyết
30	Đường Vành đai phía nam (QH15)	Đường Nguyễn Trãi Nối dài	Đường D12	1950	16	Đặng Thùy Trâm
31	Đường quy hoạch D3	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường quy hoạch D2	132	7	Phan Châu Trinh

32	Đường quy hoạch	Đường quy hoạch D3	Đường quy hoạch D2	127	7	Đặng Huy Trứ
33	Đường N18 (quy hoạch D2)	Đường quy hoạch 14	Đường quy hoạch D3	285	7	Đào Duy Từ
34	Đường N15	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường D5	634	7	Nguyễn Viết Xuân
35	Đường quy hoạch D2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường N17 (QH.D1)	181	7	Bùi Thị Xuân

2. Các tuyến đường điều chỉnh chiều dài (giữ nguyên tên cũ):

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài	Chiều rộng lòng đường (m)
01	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Hùng Vương	Đường D19 (QH.10)	1963	7
02	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Vành đai phía nam (QH15)	1273	16
03	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường quy hoạch số 14	2170	16
04	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Chí Thanh	824	12
05	Đường Hùng Vương	Đường D23 (QH D13)	Đường D1 (QH D2)	4862	16
06	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Vành đai phía nam (QH15)	1060	12

3. Công trình công cộng

Stt	Loại công trình công cộng	Kích thước	Tên công trình công cộng
01	Quảng trường	10.000 m^2	Kpă Klơng
02	Công viên văn hóa	30.000 m^2	Plei Me